

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động của Bộ Y tế triển khai Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong thời kỳ mới;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 14/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đảm bảo việc làm bền vững, nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc của công nhân lao động;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Y tế triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công theo Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đồng chí Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Sở Y tế các tỉnh, TP trực thuộc TƯ (để t/h);
- TT KSBT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ (để t/h);
- Y tế các Bộ/ngành (để t/h);
- Lưu: VT, MT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Xuân Tuyên

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ Y TẾ**Triển khai thực hiện Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BYT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**1. Mục đích**

Xây dựng hoạt động cụ thể, phân công các nhiệm vụ, trách nhiệm cho các Vụ, Cục, Tổng cục và các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; phối hợp với các Bộ, Ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công theo Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030.

2. Yêu cầu

- Các hoạt động được xây dựng phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, và nội dung của Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030.

- Các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra bảo đảm tính khả thi, đảm bảo thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người lao động, khuyến khích lối sống, dinh dưỡng lành mạnh tại nơi làm việc, phòng, chống bệnh, tật liên quan đến công việc và bệnh nghề nghiệp cho người lao động, bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực;

- Huy động sự phối hợp của các bộ, ban ngành và các đoàn thể, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các hiệp hội và cộng đồng dân cư trong quá trình thực hiện Kế hoạch hành động này.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ SỐ**1. Mục tiêu tổng quát**

Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người lao động, khuyến khích lối sống, dinh dưỡng lành mạnh tại nơi làm việc, phòng, chống bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp cho người lao động, bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể và các chỉ số

2.1. Mục tiêu 1: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe và phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

a) 50% số cán bộ y tế lao động, cán bộ y tế làm công tác giám định y khoa được đào tạo cấp chứng chỉ, chứng nhận chuyên môn về y tế lao động, quan trắc môi trường lao động, bệnh nghề nghiệp đến năm 2025 và đạt 100% đến năm 2030;

b) Hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường lao động, bệnh nghề nghiệp tại các địa phương vào năm 2025 và thực hiện kết nối với hệ thống dữ liệu quốc gia vào năm 2030.

c) Quản lý 50% số cơ sở lao động có yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

d) Kiểm tra công tác quan trắc môi trường lao động tại 30% cơ sở lao động có yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp vào năm 2025 và 50% vào năm 2030; 100% cơ sở lao động có sử dụng amiăng được giám sát, quan trắc môi trường lao động theo quy định vào năm 2025.

đ) 50% số cơ sở quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp đã công bố và cấp phép được kiểm tra chất lượng đến năm 2025 và đạt 100% đến năm 2030;

e) 100% Trung tâm y tế dự phòng/kiểm soát bệnh tật/sức khỏe lao động và môi trường thực hiện đầy đủ nội dung và đảm bảo chất lượng quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp đã công bố và được cấp phép.

2.2. Mục tiêu 2: Lồng ghép các dịch vụ y tế lao động cơ bản, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người lao động không có hợp đồng lao động và nâng cao sức khỏe cho người lao động, tư vấn về các bệnh không lây nhiễm, phòng chống bệnh, tật, nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng hợp vệ sinh, phù hợp điều kiện lao động, tăng cường vận động tại nơi làm việc.

a) 100% trạm y tế xã/phường được tập huấn, hướng dẫn về dịch vụ y tế lao động cơ bản, chăm sóc, nâng cao sức khỏe cho người lao động không có hợp đồng lao động.

b) 40% trạm y tế xã/phường thực hiện lồng ghép các dịch vụ y tế lao động cơ bản, chăm sóc, nâng cao sức khỏe cho người lao động không có hợp đồng lao động vào hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu tại y tế cơ sở đến năm 2025 và đạt 70% đến năm 2030.

c) 30% số người lao động không có hợp đồng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp (lâm nghiệp, ngư nghiệp) và làng nghề được tiếp cận thông tin

truyền thông và được tư vấn về yếu tố có hại, nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp, bệnh liên quan đến nghề nghiệp, các biện pháp phòng chống và nâng cao sức khỏe đến năm 2025 và đạt 60% đến năm 2030;

d) 100% trạm y tế xã/phường thực hiện chế độ báo cáo ghi nhận các trường hợp mắc và tử vong do tai nạn lao động.

2.3. Mục tiêu 3: Nâng cao sức khỏe cho người lao động, phòng chống bệnh, tật, phòng chống tác hại của thuốc lá và rượu bia tại nơi làm việc.

a) Giảm 15% các vụ ngộ độc thực phẩm tập thể tại các cơ sở lao động vào năm 2025 và đến năm 2030 giảm 25% so với giai đoạn 2010-2018.

b) 50% cơ sở lao động có trên 200 người lao động được hướng dẫn về dinh dưỡng phù hợp với điều kiện lao động đến năm 2025 và đạt 70% đến năm 2030;

c) 100% người lao động được tiếp cận thông tin về các bệnh không lây nhiễm (tăng huyết áp, đái tháo đường, tim mạch, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và ung thư) và các biện pháp phòng chống, nâng cao sức khỏe (lối sống lành mạnh, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu bia, dinh dưỡng hợp vệ sinh, tăng cường vận động) tại nơi làm việc;

d) 100% cơ sở lao động có trên 200 người lao động (có lao động nữ và có nhu cầu) đảm bảo có khu vực vắt sữa và bảo quản sữa cho bà mẹ đang nuôi con bằng sữa mẹ;

đ) 30% số cơ sở lao động lồng ghép các chỉ tiêu khám phát hiện sớm các bệnh không lây nhiễm (kiểm soát huyết áp, chỉ số BMI, đường huyết, cholesterol máu, sàng lọc phát hiện sớm ung thư, ảnh hưởng có hại của sử dụng thuốc lá và rượu, bia) trong khám sức khỏe định kỳ hằng năm tùy theo yếu tố ngành nghề và lứa tuổi đến năm 2025 và đạt 50% đến năm 2030;

e) 100% người lao động bị mắc bệnh, tật được tư vấn để đảm bảo sức khỏe phù hợp với công việc; 100% người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất được tư vấn và cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc lao động nữ mang thai, cho con bú, nuôi con bằng sữa mẹ), phòng chống HIV/AIDS và nâng cao sức khỏe.

2.4. Mục tiêu 4: Tăng cường quản lý, phòng chống các bệnh nghề nghiệp tại các ngành nghề có nguy cơ cao.

a) Quản lý sức khỏe người lao động tại các cơ sở lao động có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp đối với 50% người lao động tại các cơ sở lao động có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp được tiếp cận thông tin về yếu tố có hại, biện pháp phòng chống và được khám phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp vào năm 2025 và đạt 100% vào năm 2030.

b) 100% người lao động tiếp xúc với amiăng được quản lý sức khỏe, khám bệnh nghề nghiệp; 100% cơ sở lao động có sử dụng amiăng được giám sát, quan trắc môi trường lao động theo quy định vào năm 2025.

2.4. Mục tiêu 5: Nâng cao năng lực sơ cứu, cấp cứu, đáp ứng điều trị, giám định y khoa, điều dưỡng phục hồi chức năng bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động.

a) 100% người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc, khám bệnh, điều trị, giám định y khoa và phục hồi chức năng.

b) 100% người lao động nghỉ ốm dài ngày, bị mắc các bệnh, tật mạn tính phải điều trị dài ngày, bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau khi điều trị, phục hồi chức năng được tư vấn về khả năng lao động phù hợp với sức khỏe.

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 1 (2021-2025)

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe và phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động, các cơ sở lao động có nguy cơ cao bị bệnh nghề nghiệp;

- Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế lao động về công tác vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp. Xây dựng các tài liệu, chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo về y tế lao động; thử nghiệm các mô hình, loại hình chăm sóc sức khỏe người lao động lồng ghép trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Củng cố tổ chức y tế lao động, người làm công tác y tế và hoạt động sơ cấp cứu tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng hệ thống các Trung tâm kiểm chuẩn - tham chiếu bảo đảm chất lượng kết quả quan trắc môi trường lao động trên phạm vi toàn quốc.

- Xây dựng hướng dẫn và nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe người lao động; thực hiện gói dịch vụ y tế lao động cơ bản cho doanh nghiệp nhỏ, vừa, làng nghề và cho người lao động không có hợp đồng lao động; Triển khai thí điểm mô hình dịch vụ y tế lao động cơ bản cho doanh nghiệp nhỏ, vừa, làng nghề và cho người lao động không có hợp đồng lao động.

- Triển khai quản lý sức khỏe nghề nghiệp lồng ghép trong hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân tại tuyến xã. Xây dựng các gói dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động, xây dựng tổ chức, quản lý chăm sóc sức khỏe người lao động.

- Xây dựng hướng dẫn cải thiện chất lượng bữa ăn ca của người lao động tại một số ngành nghề.

- Xây dựng và nhân rộng mô hình phòng chống các bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm tại nơi làm việc.

- Đánh giá tỉ lệ hiện mắc và mắc mới các bệnh nghề nghiệp để đề ra các giải pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp có hiệu quả. Xây dựng và nhân rộng các mô hình phòng chống một số bệnh nghề nghiệp phổ biến; tăng cường năng lực điều trị, phục hồi chức năng bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc môi trường lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Nghiên cứu bổ sung các yếu tố vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp phát sinh trong điều kiện mới.

- Định kỳ cập nhật hồ sơ quốc gia về amiăng và sức khỏe con người.

- Hướng dẫn Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong ngành y tế.

2. Giai đoạn 2 (2026-2030)

- Tổng kết giai đoạn 2020-2025, lựa chọn đẩy mạnh các hoạt động của Đề án đã triển khai có hiệu quả trong giai đoạn 1;

- Nhân rộng các mô hình chăm sóc sức khỏe người lao động lồng ghép trong chăm sóc sức khỏe ban đầu;

- Nâng cao sức khỏe cho người lao động, phòng chống bệnh, tật, bệnh lây nhiễm và bệnh không lây nhiễm, phòng chống tác hại của thuốc lá và rượu bia tại nơi làm việc;

- Tăng cường các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và nâng cao sức khỏe cho người lao động, phòng chống bệnh, tật, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu bia, bệnh lây nhiễm và bệnh không lây nhiễm tại nơi làm việc;

- Mở rộng lĩnh vực thực hiện hướng dẫn chăm sóc sức khỏe cho lao động không có hợp đồng lao động;

- Đào tạo cho cán bộ y tế, mở rộng thực hiện lập hồ sơ quản lý sức khỏe người lao động tại trạm y tế xã, tại các cơ sở sản xuất;

- Đánh giá và đưa ra các giải pháp toàn diện giảm thiểu tỷ lệ mắc các bệnh nghề nghiệp.

3. Đối với các địa phương

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trung ương triển khai thực hiện hiệu quả và định kỳ đánh giá các nhiệm vụ và mục tiêu đã được phê duyệt phù hợp với điều kiện, đặc điểm tình hình cụ thể của từng địa phương.

(Nhiệm vụ chi tiết của các đơn vị trong phần Phụ lục).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự chỉ đạo thống nhất của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và các cơ quan đơn vị có liên quan đối với công tác chăm sóc nâng cao sức khỏe người lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp; thường xuyên kiểm

tra, khảo sát, đánh giá, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các văn bản quy định về chăm sóc, nâng cao sức khỏe người lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp.

2. Đẩy mạnh phối hợp giữa các bộ, ngành, cơ quan trung ương trong việc quản lý, hỗ trợ thông qua việc xây dựng, triển khai chính sách, hướng dẫn và tạo môi trường thuận lợi để thực hiện hoạt động chăm sóc, nâng cao sức khỏe người lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp. Người sử dụng lao động có trách nhiệm thực thi đầy đủ quy định về an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

3. Đầu tư toàn diện cho công tác dự phòng và điều trị để đảm bảo và nâng cao sức khỏe cho người lao động. Chú trọng dự phòng bệnh, tật tại nơi làm việc thông qua kiểm soát, loại trừ yếu tố có hại trong môi trường lao động; khám, phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp và các bệnh liên quan đến nghề nghiệp; nâng cao sức khỏe cho người lao động, phòng chống bệnh không lây nhiễm, khuyến khích tập thể dục tại nơi làm việc, đảm bảo dinh dưỡng, bữa ăn ca cho người lao động, phòng chống tác hại của thuốc lá và rượu bia.

4. Khuyến khích đẩy mạnh đảm bảo chất lượng hợp tác công-tư, đầu tư tư nhân, xã hội hóa trong lĩnh vực quản lý môi trường lao động, sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, điều trị và phục hồi chức năng tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

5. Chăm sóc sức khỏe cho người lao động trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, làng nghề và lao động tự do, đặc biệt đối với lao động nữ, có thai và cho con bú. Lồng ghép các dịch vụ y tế lao động cơ bản, chăm sóc sức khỏe cho người lao động không có hợp đồng lao động vào hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến y tế cơ sở.

6. Tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế về kinh phí, kỹ thuật. Tăng cường hợp tác quốc tế trong quá trình thực hiện các mục tiêu của Chương trình; tích cực tham gia và hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm và nâng cao năng lực thực hiện các mục tiêu; chủ động tích cực hợp tác với các quốc gia, các viện, trường trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, điều trị, phục hồi chức năng tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

7. Tăng cường tuyên truyền vận động cho người lao động, người sử dụng lao động và mọi người dân về nghĩa vụ, trách nhiệm trong công tác chăm sóc, nâng cao sức khỏe người lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động của ngành y tế được kết cấu từ nguồn ngân sách nhà nước; ngân sách của cơ sở lao động; kết hợp công-tư; tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Căn cứ nhiệm vụ tại Kế hoạch hành động này, các cơ quan/đơn vị ở trung ương và các địa phương xây dựng dự toán thực hiện Chương trình hành động, tổng hợp vào dự toán chi ngân sách hàng năm, 5 năm gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Ước tính kinh phí giai đoạn đến năm 2030 (tỷ đồng)

Thời gian	Trung ương	Địa phương	Nguồn vận động	Tổng số
2021-2025	274	500	100	874
2026-2030	181	500	105	786
Tổng cộng	455	1000	205	1660

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trong ngành tổ chức triển khai Kế hoạch hành động bảo đảm thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả những nội dung thuộc Kế hoạch hành động.

2. Trên cơ sở những nhiệm vụ, nội dung công việc chủ yếu trong Kế hoạch hành động và Phụ lục kèm theo, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này đảm bảo về thời gian, chất lượng và hiệu quả công việc. Định kỳ 6 tháng và hằng năm có báo cáo Bộ Y tế tình hình thực hiện; đồng thời gửi Cục Quản lý môi trường y tế để theo dõi và tổng hợp.

3. Cục Quản lý môi trường y tế, Vụ Kế hoạch - Tài chính phối hợp với các Vụ, Cục, Tổng cục, các đơn vị trực thuộc Bộ, các Sở y tế tỉnh, thành phố và các bộ, ngành liên quan, tiến hành triển khai thực hiện Kế hoạch hành động trên cơ sở nội dung công việc được giao (Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này). Đảm bảo đúng thời gian.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động trên, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình, tổng hợp ý kiến của các đơn vị và báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU VÀ ĐỀ XUẤT NGÂN SÁCH THUỘC KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
CỦA BỘ Y TẾ VÀ ĐỊA PHƯƠNG TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE
NGƯỜI LAO ĐỘNG, PHÒNG CHỐNG BỆNH NGHỀ NGHIỆP GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BYT ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ Y tế)

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

TT	Mục tiêu/ Kết quả đầu ra	Nhiệm vụ (hoạt động thực hiện)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Ngân sách đề xuất						Tổng ngân sách
					Trung ương		Địa phương		Vận động		
					Đến 2025	Đến 2030	Đến 2025	Đến 2030	Đến 2025	Đến 2030	
1	Nâng cao năng lực về công tác vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp.	1. Khảo sát nhu cầu và thực tiễn về năng lực cán bộ y tế các tuyến đáp ứng với công tác CSSK NLĐ PCBNN. 2. Xây dựng các khung chương trình huấn luyện và tập huấn, đánh giá năng lực đối với cán bộ y tế các tuyến. 3. Tổ chức đào tạo giảng viên nguồn tại các tuyến phục vụ công tác nâng cao năng lực CSSK NLĐ PCBNN. 4. Mở rộng và kiểm soát chất lượng đào tạo CBYT; kiểm tra và giám sát tại các tuyến nhằm nâng cao năng lực hệ thống vào năm 2020 và 2030.	Viện Đào tạo Y tế công cộng và Y học dự phòng, Đại học Y Hà Nội	- Cục QLMTYT. - ĐHYTCC HN. - Các Viện SKNN MT, VSĐT Tây Nguyên, Viện YH Biên, Pasteur Nha Trang, YTCC TPHCM. - Công đoàn Y tế. - Các đơn vị có đủ điều kiện về đào tạo. - Sở Y tế và TTKS BT các địa phương.	20	10	40	40	8	8	126
2	Củng cố tổ chức y tế lao động, người làm công tác y tế và hoạt động sơ cấp cứu tại cơ sở sản xuất kinh doanh.	1. Đánh giá thực trạng tổ chức y tế và người làm công tác y tế tại cơ sở lao động và tại các tuyến. 2. Xây dựng Thông tư hướng dẫn hoạt động, tổ chức công tác y tế chăm sóc sức khỏe người lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp và hoạt động sơ cứu, cấp cứu tại cơ sở lao động. 3. Tổ chức huấn luyện nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên nhằm tăng cường đào tạo đối với mạng lưới y tế	Cục Quản lý môi trường y tế	- Vụ Tổ chức CB. - Cục QL KCB, Cục KHCN và ĐT. - Công đoàn Y tế. - Viện CL&CSYT. - Các Viện SKNN MT, VSĐT Tây Nguyên, Viện YH biên, Pasteur Nha Trang, YTCC TPHCM.	10	5	40	40	8	8	111

TT	Mục tiêu/ Kết quả đầu	Nhiệm vụ (hoạt động thực hiện)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Ngân sách đề xuất						Tổng ngân
					Trung ương		Địa phương		Vận động		
		lao động tại cơ sở lao động, sản xuất. 4. Kiểm tra và giám sát; đánh giá và điều chỉnh các nội dung hướng dẫn vào năm 2025 và 2030.		- Bộ LĐ-TBXH, Tổng LĐLĐVN, Các Bộ, ngành. - Sở Y tế và TTKS BT các địa phương.							
3	Xây dựng hệ thống các Trung tâm kiểm chuẩn - tham chiếu bảo đảm chất lượng kết quả quan trắc môi trường lao động trên phạm vi toàn quốc.	1. Giao nhiệm vụ lập KH triển khai tổng thể 10 năm và từng giai đoạn 5 năm. 2. Xây dựng tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị tham gia Hệ thống Quốc gia các trung tâm tham chiếu kết quả quan trắc MTLĐ. 3. Lựa chọn các nhóm chỉ tiêu và chỉ tiêu tham chiếu trong số các Qui chuẩn VN đã ban hành. 4. Xây dựng tiêu chí đánh giá: đạt và không đạt yêu cầu đối với các chỉ tiêu tham chiếu. 5. Nâng cao năng lực con người, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu quan trắc MTLĐ theo QCVN mới. 6. Tăng cường chuyên môn: tập huấn, hội nghị hội thảo về quan trắc MTLĐ theo QCVN mới, những thuận lợi, khó khăn, các giải pháp tháo gỡ. Hướng tới quản lý chất lượng theo ISO. 7. Thông tin truyền thông về quyết định 659/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ, sự cần thiết và tính cấp bách của việc xây dựng hệ thống các trung tâm kiểm chuẩn, tham chiếu bảo đảm chất lượng kết quả quan trắc môi trường lao động trên phạm vi toàn quốc. Kiểm tra và giám sát địa phương.	Viện Y học dự phòng Quân đội, Cục Quân Y, Bộ Quốc phòng	- Cục QLMTYT. - Các Viện SKNN MT, VSĐT Tây Nguyên, Viện YH biên, Pasteur Nha Trang, YTCC TPHCM. - Viện Đào tạo YTCC YHDP, ĐHYHN. - Sở Y tế và TTKS BT các địa phương. - Các Bộ/ngành.	20	15	40	40	8	8	131

TT	Mục tiêu/ Kết quả đầu	Nhiệm vụ (hoạt động thực hiện)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Ngân sách đề xuất						Tổng ngân
					Trung ương		Địa phương		Vận động		
4	Hướng dẫn và nâng cao năng lực CSSK NLĐ; thực hiện gói dịch vụ y tế lao động cơ bản cho doanh nghiệp nhỏ, vừa, làng nghề và cho người lao động không có HĐLĐ; Triển khai thí điểm mô hình dịch vụ YTLĐ cơ bản cho doanh nghiệp nhỏ, vừa, làng nghề và cho người lao động không có HĐLĐ.	<p>1. Khảo sát và đánh giá nhu cầu chăm sóc y tế lao động cơ bản (BOHS) đối với cơ sở lao động và người lao động (bao gồm cả người lao động không có HĐLĐ).</p> <p>2. Xây dựng hướng dẫn thực hiện gói dịch vụ y tế lao động cơ bản cho các nhóm (i) Cơ sở lao động sản xuất cỡ lớn, (ii) Cơ sở lao động thuộc nhóm nhỏ và vừa và (iii) Người lao động không có hợp đồng lao động.</p> <p>3. Triển khai thí điểm các mô hình dịch vụ y tế lao động cơ bản cho người lao động thuộc các nhóm đối tượng.</p> <p>4. Tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho đội ngũ giảng viên nhằm mở rộng diện bao phủ và đối tượng chăm sóc y tế lao động cơ bản.</p> <p>5. Xây dựng và đề xuất hướng dẫn sử dụng kinh phí từ nguồn Bảo hiểm xã hội TNLĐ và BNN cho hoạt động dịch vụ y tế lao động cơ bản, QTMTLĐ, khám BNN và dự phòng ban đầu các bệnh nghề nghiệp có nguy cơ.</p> <p>6. Kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết và điều chỉnh các hướng dẫn vào năm 2025 và 2030 nhằm đảm bảo chăm sóc y tế lao động cơ bản đạt hiệu quả.</p>	Viện Súc khỏe nghề nghiệp và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Cục QLMTYT. - Viện CL và CSYT - Các Viện SKNN MT, VSĐT Tây Nguyên, Viện YH biên, Pasteur Nha Trang, YTCC TPHCM. - Sở Y tế và TTKS BT các địa phương. - Bộ LĐ-TBXH, Bộ NNPTNT, Tổng LĐLĐVN, Các Bộ, ngành. 	120	70	60	60	12	12	334
5	Quản lý sức khỏe nghề nghiệp lồng ghép trong hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân	<p>1. Khảo sát thực tiễn và đề xuất giải pháp thực hiện lồng ghép quản lý, chăm sóc sức khỏe người lao động vào hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe người dân hiện có.</p> <p>2. Xây dựng hướng dẫn quản lý sức</p>	Cục Quản lý khám chữa bệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Cục QLMTYT, - Vụ KHTC, Cục QL KCB, Vụ Bảo hiểm y tế. - Viện CL&CSYT. - Các Viện SKNN 	7	3	40	40	8	8	106

TT	Mục tiêu/ Kết quả đầu	Nhiệm vụ (hoạt động thực hiện)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Ngân sách đề xuất						Tổng ngân
					Trung ương		Địa phương		Vận động		
	nhân tại tuyến xã.	khỏe người lao động tại tuyến huyện và tuyến xã. 3. Tổ chức tập huấn công tác quản lý hồ sơ và báo cáo; kiểm tra giám sát.		MT, VSĐT Tây Nguyên, Viện YH Biển, Pasteur Nha Trang, YTCC TPHCM. - Sở Y tế và TTKS BT các địa phương. - Các Bộ, ngành.							
6	Cải thiện chất lượng bữa ăn ca của người lao động tại một số ngành nghề.	1. Thành lập ban điều hành dự án 2. Xây dựng và tổ chức thực hiện một cách hiệu quả “Bữa ăn ca cho người lao động” tại một số ngành nghề. 2.1. Khảo sát tình trạng dinh dưỡng của người lao động ở một số ngành nghề 2.2. Khảo sát hoạt động thể lực, khẩu phần ăn đánh giá mức đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của người lao động ở một số ngành nghề 2.3. Xây dựng thực đơn dinh dưỡng hợp lý cho người lao động tại một số ngành nghề 2.4. Xây dựng mô hình “Bếp ăn ca” tại một số cơ sở lao động của một số ngành nghề 2.5. Triển khai nhân rộng mô hình “Bếp ăn ca” 2.6 Tổ chức tập huấn đào tạo cho cán bộ phù hợp yêu cầu của dự án 3. Truyền thông giáo dục dinh dưỡng cho người lao động và người sử dụng lao động: 3.1. Điều tra đánh giá kiến thức, thái độ, hành vi của người lao động, người	Viện Dinh dưỡng Quốc gia	- Cục QLMTYT. - Cục Y tế dự phòng. - Công đoàn y tế. - Các Viện SKNN MT, VSĐT Tây Nguyên, Viện YH biển, Pasteur Nha Trang, YTCC TPHCM. - Sở Y tế và TTKS BT các địa phương. - Tổng LĐLĐVN, Các Bộ, ngành.	10	5	40	40	8	8	111

TT	Mục tiêu/ Kết quả đầu	Nhiệm vụ (hoạt động thực hiện)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Ngân sách đề xuất						Tổng ngân
					Trung ương		Địa phương		Vận động		
		<p>sử dụng lao động liên quan đến dinh dưỡng và thực phẩm.</p> <p>3.2. Xây dựng, phát triển tài liệu truyền thông phù hợp</p> <p>3.3. Truyền thông giáo dục dinh dưỡng</p> <p>4. Theo dõi, giám sát và đánh giá.</p> <p>5. Nghiên cứu vệ tinh và điều chỉnh.</p>									
7	Xây dựng và nhân rộng mô hình phòng chống các bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm tại nơi làm việc.	<p>1. Khảo sát và đánh giá thực trạng bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm ở người lao động tại một số khu công nghiệp và một số địa phương trong toàn quốc.</p> <p>2. Xây dựng hướng dẫn và lồng ghép các chỉ tiêu khám phát hiện sớm các bệnh không lây nhiễm (kiểm soát huyết áp, chỉ số BMI, đường huyết, cholesterol máu, sàng lọc phát hiện sớm ung thư, ảnh hưởng có hại của sử dụng thuốc lá và rượu, bia) trong khám sức khỏe định kỳ hằng năm trong triển khai thí điểm mô hình phòng chống bệnh lây nhiễm (COVID-19) và một số bệnh không lây nhiễm phổ biến tại cơ sở lao động.</p> <p>3. Xây dựng các hướng dẫn tư vấn đảm bảo sức khỏe phù hợp với công việc cho người lao động bị mắc bệnh, tật tại các khu công nghiệp, khu chế xuất;</p> <p>4. Xây dựng hướng dẫn và cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc phụ nữ mang thai và cho con bú), phòng chống HIV/AIDS và nâng cao sức khỏe cho người lao động. Kiểm tra và giám sát</p>	Cục Quản lý môi trường y tế	<p>- Cục Y tế dự phòng, Vụ SKBMTE.</p> <p>- Các Viện SKNN MT, VSĐT Tây Nguyên, Viện YH biên, Pasteur Nha Trang, YTCC TPHCM.</p> <p>- Sở Y tế và TTKS BT các địa phương.</p> <p>- Bộ LĐ-TBXH, Tổng LĐLĐVN, các Bộ, ngành.</p>	12	8	40	40	8	8	116

TT	Mục tiêu/ Kết quả đầu	Nhiệm vụ (hoạt động thực hiện)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Ngân sách đề xuất						Tổng ngân
					Trung ương		Địa phương		Vận động		
		tại các địa phương. 5. Xây dựng các tài liệu truyền thông, sách mỏng và các video clip phục vụ thông tin, truyền thông.									
8	Xây dựng và nhân rộng các mô hình phòng chống một số bệnh nghề nghiệp phổ biến; tăng cường năng lực điều trị, phục hồi chức năng bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động.	1. Xây dựng và hoàn chỉnh mô hình phòng chống 05 nhóm bệnh nghề nghiệp phổ biến. 2. Xây dựng hướng dẫn điều trị và phục hồi chức năng bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động. 3. Khảo sát và đề xuất nâng cao năng lực chẩn đoán, điều trị và phục hồi chức năng bệnh nghề nghiệp và TNLĐ trong hệ thống điều trị và PHCN. 4. Xây dựng và ban hành quy trình chuẩn điều trị PHCN bệnh nghề nghiệp và TNLĐ trong tình hình mới. 5. Triển khai thí điểm và từng bước nhân rộng mô hình phòng chống các nhóm bệnh nghề nghiệp phổ biến tại một số khu công nghiệp và tại một số địa phương trọng điểm. Kiểm tra và giám sát việc thực hiện tại địa phương.	Cục Quản lý môi trường y tế	- Cục QL KCB. - Các Viện SKNN MT, VSĐT Tây Nguyên, Viện YH biên, Pasteur Nha Trang, YTCC TPHCM, GĐYK TƯ. - Sở Y tế và TTKS BT các địa phương. - Tổng LĐLĐVN, Các Bộ, ngành.	20	10	40	40	8	8	126
9	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc môi trường lao động, bệnh nghề nghiệp.	1. Đánh giá và xây dựng hướng dẫn cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu đối với tuyến tỉnh và cơ sở lao động về QTMTLĐ và BNN. 2. Tổ chức tập huấn hướng dẫn xây dựng CSDL QTMTLĐ và BNN cho tuyến cơ sở lao động có nguy cơ và cho tuyến tỉnh/huyện. 3. Xây dựng phần mềm quản lý, nhập liệu (web-based) và quản trị cơ sở dữ liệu và kết nối với tuyến tỉnh và tuyến	Cục Quản lý môi trường y tế	- Các Viện SKNNMT, VSĐT Tây Nguyên, Pasteur Nha Trang, YTCC TPHCM, GĐYK TƯ. - Sở Y tế và TTKS BT các địa phương. - Tổng LĐLĐVN, Các Bộ, ngành.	5	5	40	40	8	8	106

TT	Mục tiêu/ Kết quả đầu	Nhiệm vụ (hoạt động thực hiện)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Ngân sách đề xuất						Tổng ngân
					Trung ương		Địa phương		Vận động		
		trung ương.									
10	Nghiên cứu các yếu tố vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp phát sinh trong điều kiện mới.	1. Khảo sát các yếu tố tiếp xúc vệ sinh lao động và điều kiện lao động mới phát sinh trong thời gian gần đây có ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. 2. Nghiên cứu mối liên hệ, hoàn chỉnh hồ sơ trình đề xuất bổ sung bệnh nghề nghiệp vào danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội.	Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường	- Cục QLMTYT. - Các Viện SKNN MT, VSĐT Tây Nguyên, YH Biên, Pasteur Nha Trang, YTCC TPHCM, GĐYK TƯ. - Sở Y tế và TTKS BT các địa phương. - Tổng LĐLĐVN, Các Bộ, ngành.	25	25	40	40	8	8	146
11	Cập nhật hồ sơ quốc gia về amiăng và sức khỏe con người.	1. Rà soát và xây dựng Hồ sơ quốc gia về Amiăng ở Việt Nam (bao gồm Hồ sơ quan trắc MTLĐ đối với yếu tố bụi Amiăng, Hồ sơ theo dõi dài hạn sức khỏe NLD tiếp xúc, Hồ sơ tiếp xúc trong cộng đồng và người sử dụng sản phẩm có chứa amiăng). 2. Định kỳ hằng năm cập nhật số liệu và công bố Hồ sơ quốc gia về Amiăng.	Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường	- Cục QLMTYT - Các Viện SKNN MT, VSĐT Tây Nguyên, Pasteur Nha Trang, YTCC TPHCM. - Sở Y tế và TTKS BT các địa phương. - Bộ LĐ-TBXH, Tổng LĐLĐVN, Các Bộ, ngành.	15	15	40	40	8	8	126
12	Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong ngành y tế.	1. Xây dựng và ban hành hướng dẫn chăm sóc toàn diện ATVSLĐ PCBNN cho nhân viên y tế. 2. Tổ chức tập huấn đối với đội ngũ giảng viên nguồn để đánh giá và thực hiện chăm sóc toàn diện về ATVSLĐ PCBNN cho nhân viên y tế. 3. Tổng kết, đánh giá và điều chỉnh hướng dẫn vào 2025 và 2030. 4. Nghiên cứu, đề xuất danh mục nghề, công việc NNDH NH và đặc biệt	Cục Quản lý môi trường y tế	- Các Viện SKNN MT, VSĐT Tây Nguyên, Viện YH biên, Pasteur Nha Trang, YTCC TPHCM, GĐYK TƯ. - Sở Y tế và TTKS BT các địa phương. - Công đoàn Y tế Việt Nam.	10	10	40	40	8	8	116

TT	Mục tiêu/ Kết quả đầu	Nhiệm vụ (hoạt động thực hiện)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Ngân sách đề xuất						Tổng ngân
					Trung ương		Địa phương		Vận động		
		NNĐHNH đối với lao động ngành y tế. 5. Kiểm tra và giám sát việc thực hiện tại địa phương.		- Bộ LĐ-TBXH, Tổng LĐLĐVN, Các Bộ, ngành.							
		TỔNG CỘNG			274	181	500	500	100	105	1660
					455		1000		205		1660